

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hồng G; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Thanh T; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Sóc Trăng; cư trú tại ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2019 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Hồng G trình bày:

Vào năm 2005, chị Trần Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ có tổ chức đám cưới, đến năm 2012 thì anh, chị mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2012, ngày 09 tháng 8 năm 2012, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị G và anh Đ chung sống tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ lấy tiền, vàng của vợ chồng để ăn chơi, cờ bạc và thường xuyên đánh chị G dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị G và anh Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2018 đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị G và anh Đ có hai con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012, hiện nay hai con chung đang sống chung với chị G.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị G và anh Đ có vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 15 tháng 10 năm 2017. Mục đích vay tiền để xây dựng nhà theo diện chính sách hộ nghèo. Sau khi vay, chị G đã trả lãi hàng tháng, vốn gốc chưa trả.

Nay chị Trần Hồng G yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Hồng G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Chị Trần Hồng G yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 đến tuổi thành niên, chị G không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện, chị G yêu cầu chia đôi số nợ để trả, cụ thể: Chị G trả 12.500.000 đồng, anh Đ trả 12.500.000 đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự thỏa thuận với anh Đ và Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 12/TB-TLVA ngày 23 tháng 01 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, nhưng anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối

với yêu cầu khởi kiện của chị G. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ 02 lần đối với anh Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh Đ trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có người đại diện theo ủy quyền là ông Thạch Thanh T trình bày:

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2017, chị Trần Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ có vay tiền của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện M số tiền 25.000.000 đồng theo chương trình hộ nghèo về nhà ở, kỳ hạn vay từ ngày 15 tháng 10 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2032, lãi suất trong hạn 0,25%/tháng, lãi suất quá hạn 0,325%/tháng. Ngân hàng sẽ tự thỏa thuận với chị G, anh Đ về số nợ trên. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao hai con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ cùng cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị G có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn

với anh Đ, yêu cầu được nuôi con chung và chia nợ chung để trả. Chị G đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị G nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị G đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Trần Hồng G là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Hồng G thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện, về phần nợ chung chung, chị G yêu cầu chia đôi số nợ để trả, cụ thể: Chị G trả 12.500.000 đồng, anh Đ trả 12.500.000 đồng cho Ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị G tự thỏa thuận với anh Đ và Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thống nhất với yêu cầu của chị G. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật về tranh chấp: Chị Trần Hồng G có đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu chia đôi nợ chung để trả nên khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia nợ chung khi ly hôn”. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung là chị G tự thỏa thuận với anh Đ và Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.4] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Thạch Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng G, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2012, ngày 09 tháng 8 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Trần Hồng G, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị G, anh Đ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2018, thì chị G, anh Đ không còn sống chung cho đến nay và chị G, anh Đ đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[5] Về con chung: Tại phiên toà sơ thẩm, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi hai con chung của chị G, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 15 tháng 02 năm 2019, cháu Nguyễn Trọng N thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là chị G. Đối với cháu Nguyễn Văn H, từ khi sinh ra cho đến nay cháu H đều do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu H gắn bó với chị G nhiều hơn và cũng để cho cháu H ổn định cuộc sống hiện tại. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao hai cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho chị Trần Hồng G nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Trần Hồng G không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Trần Hồng G.

[8] Về tài sản chung: Chị Trần Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Trần Hồng G là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng G và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2012 cho chị Trần Hồng G nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị G.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Hồng G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Chị Trần Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003561 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Hồng G đã nộp xong án phí. Hoàn trả cho chị Trần Hồng G số tiền tạm ứng án phí 312.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003562 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn